

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TTV22B2** Năm học: **22-23**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02230** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh chuyên ngành**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD
1	2254802032553	Huỳnh Thanh Bình	24/03/2006				5	4.0	8.0			5.0		5.3
2	2254802032554	Nguyễn Chương	13/02/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
3	2254802032556	Lê Tường Duy	07/12/2005				5	7.0	10.0			0.0	0.0	3.1
4	2254802032557	Bùi Đăng Đạt	05/06/2007				9	8.0	9.5			7.4		8.0
5	2254802032559	Nguyễn Minh Hiếu	27/10/2007				6	7.0	8.0			7.0		7.1
6	2254802032560	Võ Thành Hiếu	08/07/2007				5	7.0	9.0			6.4		6.8
7	2254802032561	Nguyễn Chí Khải	25/03/2007				5	5.5	7.5			6.6		6.4
8	2254802032563	Nguyễn Phi Phạm	15/08/2006				5	5.0	7.0			5.0		5.3
9	2254802032564	Nguyễn Thanh Thái	08/05/2007				5	6.0	7.5			5.2		5.7
10	2254802032566	La Phước Thạnh	01/09/2006				9	9.0	9.0			9.4		9.2
11	2254802032567	Nguyễn Nhật Tiến	06/12/2007				9	9.0	9.0			8.4		8.6
12	2254802032568	Ngô Quốc Toàn	18/08/2007				5	7.5	8.0			9.4		8.5
13	2254802032569	Nguyễn Nhựt Trường	24/01/2007				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
14	2254802032571	Trần Phước Duy	24/09/2006				6	6.0	9.0			8.4		7.9
15	2254802032574	Phạm Thị Ngọc Trâm	01/10/2005				0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 26 tháng 7 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Mỹ Thanh